TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/7/2025
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa: Không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc: "*Xin ly hôn và nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST - HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thị Đ**, sinh năm 1999 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 480A, tổ 8, khu phố 1, phường V, tỉnh A.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố T, xã M, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị Đ trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B tự nguyện yêu thương nhau và có tổ chức đám cưới, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/6/2019. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, tuy nhiên thời gian

sau thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi mặc dù anh chị đã cố gắng khắc phục nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B có hai người con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/9/2018 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/2021 hiện đang ở với chị Đ. Sau khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Nguyễn Văn B. Tuy nhiên, anh B không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh Nguyễn Văn B trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Thị Đ yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn B. Bị đơn cư trú tại khu phố T, xã M, tỉnh A. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc "Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân".

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn chị Thị Đ và bị đơn anh Nguyễn Văn B tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B tự nguyên yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới, thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/6/2019. Như vậy, hôn nhân giữa chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn B do tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án chị Đ trình bày cuộc sống vợ chồng anh chị mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, mặc dù anh chị đã cố gắng khúc phục nhưng không thành.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Thị Đ đoàn tụ với anh B nhưng chị Đ vẫn kiên quyết muốn ly hôn với anh B. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh B nhưng anh B vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với chị Đ. Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ để chứng minh được mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh B đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Nên việc chị Đ xin ly hôn với anh B Hội đồng xét thấy có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B có hai người con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/9/2018 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/2021 hiện đang ở với chị Đ. Quá trình giải quyết vụ án chị Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Đ thì Hội đồng xét xử xét thấy cháu M và cháu Thắng hiện đang ở với chị Đ và được chị Đ chăm sóc tốt về mọi mặt. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu M, cháu T và đảm bảo cho cháu M, cháu T được phát triển tốt mọi mặt nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Văn M và Nguyễn Văn T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thị Đ không yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, chị Đ xác nhận có đủ điều kiện nuôi con chung mà không cần anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Thị Đ xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị Thị Đ xác định anh chị không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Đ.

1/. Về hôn nhân: Chị Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2/. Về con chung: Giao cho chị Thị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung tên hai người con chung tên Nguyễn Văn M, sinh ngày 28/9/2018 và Nguyễn Văn T, sinh ngày 02/11/2021 đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B không xét.

4/. Về nợ chung: Chị Thị Đ và anh Nguyễn Văn B không xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Thị Đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011264 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang). Theo đó chị Đ không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Sang